

Số: 48 /NQ-HĐND

Tân Uyên, ngày 17 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN
KHÓA XXI NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 1688/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022; số 1689/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND huyện Tân Uyên về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 2986/TTr-UBND ngày 02/12/2021 về kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 133/BC-HĐND ngày 06/12/2021 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2022, với các nội dung sau:

I. NGUYÊN TẮC PHÂN BỔ

1. Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2022 phải thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị định, Chỉ thị hướng dẫn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Việc phân bổ vốn phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Lai Châu quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương và Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND huyện Tân Uyên về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

2. Phù hợp với khả năng bố trí nguồn lực đầu tư công và khả năng giải ngân thực tế; bố trí tập trung, tránh dàn trải, lãng phí, trong đó tập trung đầu tư cho các dự án chuyển tiếp có khả năng giải ngân để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đưa vào sử dụng.

3. Kế hoạch đầu tư công năm 2022 phải được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư nguồn NSNN theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư; bảo đảm sát thực tiễn, đáp ứng nhu cầu phát triển. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Danh mục dự án bố trí vốn ngân sách nhà nước năm 2022 phải thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND huyện Tân Uyên phê duyệt tại các Nghị quyết: Số 113/NQ-HĐND ngày 16/12/2020, số 39/NQ-HĐND ngày 29/10/2021; đáp ứng điều kiện bố trí kế hoạch theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công năm 2019.

5. Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2021 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trừ đi số vốn đã bố trí trong kế hoạch năm 2021 của dự án, phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2022.

II. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ

Tổng kế hoạch vốn **45.454 triệu đồng**, cụ thể:

1. Nguồn xây dựng cơ bản tập trung: 18.174 triệu đồng, gồm:

- Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021: 1.839 triệu đồng/02 dự án.

- Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022: 7.390 triệu đồng/05 dự án.

- Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022: 2.345 triệu đồng/01 dự án.

- Dự án khởi công mới năm 2022: 6.600 triệu đồng/04 dự án.

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 27.280 triệu đồng, gồm:

2.1. *Bố trí kinh phí thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai: 3.286 triệu đồng, cụ thể:*

- Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2021: 2.755 triệu đồng/01 dự án.

b

- Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022: 531 triệu đồng/02 dự án.

2.2. Đầu tư cơ sở hạ tầng: 23.994 triệu đồng.

- Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021: 594 triệu đồng/01 dự án.

- Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022: 17.089 triệu đồng/06 dự án.

- Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022: 2.591 triệu đồng/01 dự án.

- Dự án khởi công mới năm 2022: 3.720 triệu đồng/04 dự án.

(Có các phụ lục chi tiết kèm theo - PL01, 02)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết theo đúng quy định hiện hành.

2. Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện và Đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tân Uyên khóa XXI nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện (đăng tải);
- Lưu: VT. *b*

CHỦ TỊCH



Bùi Huy Phương





PHỤ LỤC 01 (BIỂU 36/NĐ 31)

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện Tân Uyên Khóa XXI nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ (I+II)	45.454	17.568	-	-	-	-	4.936	-	-	-	19.664	19.664	-	-	-	3.286
A	Ban QLDA XDCB & HTBT DD TDC huyện	42.168	17.568	-	-	-	-	4.936	-	-	-	19.664	19.664	-	-	-	-
I	Xây dựng cơ bản tập trung	18.174	7.348	-	-	-	-	2.345	-	-	-	8.481	8.481	-	-	-	-
1	Đường giao thông bản Tạng Đán xã Thân Thuộc đi bản Phiêng Phát xã Trung Đồng	589										589	589				
2	Đường giao thông vùng chè xã Phúc Khoa	1.250										1.250	1.250				
3	Trường Tiểu học số 1 thị trấn Tân Uyên	1.448	1.448									-	-				
4	Trường Tiểu học xã Phúc Khoa - điểm trung tâm	900	900									-	-				
5	Đường giao thông Tổ dân phố 3 thị trấn Tân Uyên đi bản Pầu Pát xã Thân Thuộc	1.800										1.800	1.800				
6	Đường bờ kè Tổ dân phố 26 đi Tổ dân phố 7 thị trấn Tân Uyên	1.600										1.600	1.600				
7	Đường sản xuất xã Nậm Sò	1.642										1.642	1.642				
8	Khu văn hóa, thể thao huyện Tân Uyên	2.345						2.345				-	-				
9	Trường THCS thị trấn Tân Uyên	2.400	2.400									-	-				
10	Cầu Nậm Be, xã Phúc Khoa	1.600										1.600	1.600				
11	Trường Tiểu học xã Trung Đồng - điểm trung tâm	1.800	1.800									-	-				
12	Trường TH & THCS xã Tà Mít - điểm trung tâm	800	800									-	-				
II	Thu sử dụng đất	23.994	10.220	-	-	-	-	2.591	-	-	-	11.183	11.183	-	-	-	-
1	Đường giao thông vùng chè xã Phúc Khoa	594										594	594				

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục đào tạo và đầy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17	18
2	Đường giao thông Tô dân phố 3 thị trấn Tân Uyên đi bản Pầu Pát xã Thân Thuộc	2.160										2.160	2.160				
3	Đường bờ kè Tô dân phố 26 đi Tô dân phố 7 thị trấn Tân Uyên	1.920										1.920	1.920				
4	Đường sản xuất xã Nậm Sò	3.299										3.299	3.299				
5	Trường Tiểu học số 1 thị trấn Tân Uyên	3.000	3.000									-					
6	Đường giao thông tổ dân phố 7 TT Tân Uyên	2.310										2.310	2.310				
7	Trường Tiểu học xã Phúc Khoa - điểm trung tâm	4.400	4.400									-					
8	Khu văn hóa, thể thao huyện Tân Uyên	2.591						2.591				-					
9	Trường THCS thị trấn Tân Uyên	1.350	1.350									-					
10	Cầu Nậm Be, xã Phúc Khoa	900										900	900				
11	Trường Tiểu học xã Trung Đồng - điểm trung tâm	1.020	1.020									-					
12	Trường TH & THCS xã Tà Mít - điểm trung tâm	450	450									-					
B	Phòng Tài nguyên & Môi trường	3.286	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.286
I	Thu sử dụng đất	3.286	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.286
1	Đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	2.755										-					2.755
2	Lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Tân Uyên	449										-					449
3	Thực hiện thống kê đất đai huyện Tân Uyên	82										-					82

PHỤ LỤC 02 (BIỂU 46/NĐ 31)

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện Tân Uyên Khóa XXI nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021			Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn năm 2022							
					Số Quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
							Ngoài nước	NSTW			Khác	Ngoài nước			Ngân sách trung ương	Khác			Ngoài nước	NSTW	Khác
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+14	12	13	14	15=16+17+18	16	17	18	19=20+21,22	20	21	22
	TỔNG SỐ					227.901	-	-	227.901	87.492	-	-	87.492	30.977	-	-	30.977	45.454	-	-	45.454
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP					227.901	-	-	227.901	87.492	-	-	87.492	30.977	-	-	30.977	45.454	-	-	45.454
I	Xây dựng cơ bản tập trung					107.500	-	-	107.500	38.355	-	-	38.355	14.121	-	-	14.121	18.174	-	-	18.174
a	<i>Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021</i>					7.500	-	-	7.500	7.201	-	-	7.201	2.830	-	-	2.830	1.839	-	-	1.839
1	Đường giao thông bán Tang Đán xã Thôn Thuộc đi bán Phiêng Phát xã Trung Đông	Xã Thôn Thuộc, xã Trung Đông	L=3,7 km	21-21	32/19.01.21	5.000			5.000	4.701			4.701	2.830			2.830	589			589
2	Đường giao thông vùng chẻ xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa	L=2,1km	21-21	48/22.01.21	2.500			2.500	2.500			2.500	-			-	1.250			1.250
b	<i>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>					48.500	-	-	48.500	27.554	-	-	27.554	7.110	-	-	7.110	7.390	-	-	7.390
3	Trường TH số 1 TT Tân Uyên	TT Tân Uyên	Cấp III - 02 tầng	21-22	44/22.01.21	6.000			6.000	954			954	1.252			1.252	1.448			1.448
4	Trường TH xã Phúc Khoa - Điểm trường trung tâm	Xã Phúc Khoa	Cấp III - 02 tầng, 10 phòng	21-22	46/22.01.21 21/24/06.12.21	11.000			11.000	9.800			9.800	4.600			4.600	900			900
5	Đường giao thông tổ dân phố 3 TT Tân Uyên đi bán Pầu Phát xã Thôn Thuộc	TT Tân Uyên, xã Thôn Thuộc	L=1,96km	21-22	49/22.01.21	9.000			9.000	3.000			3.000	-			-	1.800			1.800
6	Đường bờ kè Tổ dân phố 26 đi tổ dân phố 7 TT Tân Uyên	TT Tân Uyên	L=889m	21-22	47/22.01.21	8.000			8.000	1.800			1.800	-			-	1.600			1.600
7	Đường sản xuất xã Nậm Sò	Xã Nậm Sò	L=19,01km	21-22	50/22.01.21	14.500			14.500	12.000			12.000	1.258			1.258	1.642			1.642
c	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>					18.500	-	-	18.500	3.600	-	-	3.600	4.181	-	-	4.181	2.345	-	-	2.345
8	Khu văn hóa, thể thao huyện Tân Uyên	TT Tân Uyên	Cấp III	21-23	43/22.01.21 21/23/06.12.21	18.500			18.500	3.600			3.600	4.181			4.181	2.345			2.345
d	<i>Dự án khởi công mới năm 2022</i>					33.000	-	-	33.000	-	-	-	-	-	-	-	-	6.600	-	-	6.600
9	Trường THCS thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	Nhà cấp III - 03 tầng, 10 phòng	22-23	21/19/06.12.21	12.000			12.000	-			-	-			-	2.400			2.400
10	Cầu Nậm Be, xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa, xã Mường Khoa	Cầu vĩnh cửu BTCT, nhịp dầm 124x3, L=79,2m	22-23	21/20/06.12.21	8.000			8.000	-			-	-			-	1.600			1.600
11	Trường Tiểu học xã Trung Đông - điểm trung tâm	Xã Trung Đông	Nhà cấp III - 02 tầng, 06 phòng	22-23	21/21/06.12.21	9.000			9.000	-			-	-			-	1.800			1.800
12	Trường TH & THCS xã Tà Mít - điểm trung tâm	Xã Tà Mít	Nhà cấp III - 02 tầng	22-23	21/22/06.12.21	4.000			4.000	-			-	-			-	800			800
II	Thu sử dụng đất					120.401	-	-	120.401	49.136	-	-	49.136	16.857	-	-	16.857	27.280	-	-	27.280

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021					Kế hoạch vốn năm 2022					
					Số Quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số		Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn					
							Ngoài nước	NSTW				Khác	Ngoài nước			NSTW	Khác		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Khác
<i>i</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=8+9+10</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11=12+13+14</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15=16+17+18</i>	<i>16</i>	<i>17</i>	<i>18</i>	<i>19=20+21,22</i>	<i>20</i>	<i>21</i>	<i>22</i>
II.1	Thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai					12.901	-	-	12.901	10.582	-	-	10.582	7.830	-	-	7.830	3.286	-	-	3.286
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2021</i>					<i>10.504</i>	-	-	<i>10.504</i>	<i>10.504</i>	-	-	<i>10.504</i>	<i>7.749</i>	-	-	<i>7.749</i>	<i>2.755</i>	-	-	<i>2.755</i>
1	Đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	Nhóm C	18-21	1548/30.11.17; 58/20.01.20	10.504			10.504	10.504			10.504	7.749			7.749	2.755			2.755
<i>b</i>	<i>Dự án triển khai thực hiện năm 2022</i>					<i>2.397</i>	-	-	<i>2.397</i>	<i>79</i>	-	-	<i>79</i>	<i>81</i>	-	-	<i>81</i>	<i>531</i>	-	-	<i>531</i>
2	Lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	Nhóm C	21-25	1561/13.10.21	1.936			1.936	-			-	-			-	449			449
3	Thực hiện thống kê đất đai huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	Nhóm C	21-25	61/25.01.21	461			461	79			79	81			81	82			82
II.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng					107.500	-	-	107.500	38.554	-	-	38.554	9.027	-	-	9.027	23.994	-	-	23.994
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành bản giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021</i>					<i>2.500</i>	-	-	<i>2.500</i>	<i>2.500</i>	-	-	<i>2.500</i>	<i>656</i>	-	-	<i>656</i>	<i>594</i>	-	-	<i>594</i>
1	Đường giao thông vùng chèo xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa	L=1,8km	21-21	48/22.01.21	2.500			2.500	2.500			2.500	656			656	594			594
<i>b</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>					<i>53.500</i>	-	-	<i>53.500</i>	<i>32.454</i>	-	-	<i>32.454</i>	<i>8.371</i>	-	-	<i>8.371</i>	<i>17.089</i>	-	-	<i>17.089</i>
2	Đường giao thông tổ dân phố 3 TT Tân Uyên đi bán Pầu Pát xã Thôn Thuộc	TT Tân Uyên, xã Thôn Thuộc	L=1,96km	21-22	49/22.01.21	9.000			9.000	3.000			3.000	2.340			2.340	2.160			2.160
3	Đường bờ kè Tô dân phố 26 đi Tô dân phố 7 TT Tân Uyên	TT Tân Uyên	L=889m	21-22	47/22.01.21	8.000			8.000	1.800			1.800	2.080			2.080	1.920			1.920
4	Đường sản xuất xã Nậm Sò	Xã Nậm Sò	L=19,01km	21-22	50/22.01.21	14.500			14.500	12.000			12.000	3.951			3.951	3.299			3.299
5	Trường TH số 1 TT Tân Uyên	TT Tân Uyên	Cấp III - 02 tầng	21-22	44/22.01.21	6.000			6.000	954			954	-			-	3.000			3.000
6	Đường giao thông tổ dân phố 7 TT Tân Uyên	TT Tân Uyên	L=612,03m	21-22	45/22.01.21	5.000			5.000	4.900			4.900	-			-	2.310			2.310
7	Trường TH xã Phúc Khoa - Điểm trường trung tâm	Xã Phúc Khoa	Cấp III - 02 tầng, 10 phòng	21-22	46/22.01.21 21/24/06.12.21	11.000			11.000	9.800			9.800	-			-	4.400			4.400
<i>c</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>					<i>18.500</i>	-	-	<i>18.500</i>	<i>3.600</i>	-	-	<i>3.600</i>	-	-	-	-	<i>2.591</i>	-	-	<i>2.591</i>
8	Khu văn hóa, thể thao huyện Tân Uyên	TT Tân Uyên	Cấp III	21-23	43/22.01.21 21/23/06.12.21	18.500			18.500	3.600			3.600	-			-	2.591			2.591
<i>d</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2022</i>					<i>33.000</i>	-	-	<i>33.000</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>3.720</i>	-	-	<i>3.720</i>
9	Trường THCS thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	Nhà cấp III - 03 tầng, 10 phòng	22-23	2119/06.12.21	12.000			12.000	-			-	-			-	1.350			1.350
10	Cầu Nậm Bè, xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa, xã Mường Khoa	Cầu vịnh cầu BTCT, nhịp dầm 12x3, L=79,2m	22-23	2120/06.12.21	8.000			8.000	-			-	-			-	900			900
11	Trường Tiểu học xã Trung Đông - điểm trung tâm	Xã Trung Đông	Nhà cấp III - 02 tầng, 06 phòng	22-23	2121/06.12.21	9.000			9.000	-			-	-			-	1.020			1.020

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021	Lũy kế vốn đã bỏ trí đến 31/12/2021						Kế hoạch vốn năm 2022				
					Số Quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số		Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn	
							Ngoài nước	NSTW				Khác	Ngoài nước			NSTW	Khác			Ngoài nước	Ngân sách trung ương
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+14	12	13	14	15=16+17+18	16	17	18	19=20+21,22	20	21	22
12	Trường TH & THCS xã Tà Mít - điểm trung tâm	Xã Tà Mít	Nhà cấp III - 02 tầng	22-23	2122/06.12.21	4.000			4.000									450			450